

PHÁT TRIỂN NÔNG SẢN HÀNG HOÁ Ở VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY: NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ GIẢI PHÁP

Nguyễn Mạnh Tuấn⁽¹⁾

Thực hiện đường lối đổi mới trong nhiều năm qua nông nghiệp nước ta đã có bước phát triển vượt bậc. Từ một nước thiếu lương thực, đến nay chúng ta đã không những cung cấp đủ lương thực cho tiêu dùng mà còn đứng thứ 2 trên thế giới về xuất khẩu gạo, thu nhập và đời sống của nhân dân không ngừng được cải thiện. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, ngành nông nghiệp ở nước ta trong thời gian qua còn nhiều hạn chế: sản xuất nông nghiệp tự cung, tự túc còn phổ biến; sản xuất hàng hoá phát triển không đều; sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn còn mang tính tự phát; năng lực cạnh tranh nông sản hàng hoá trên thị trường trong và ngoài nước còn thấp; Năng suất, chất lượng của các nông sản hàng hoá còn ở mức thấp so với nhiều nước trên thế giới và khu vực; Cơ cấu kinh tế nông nghiệp chuyển dịch chậm, chưa theo sát với thị trường; kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn yếu kém; Công tác tổ chức, quản lý và cơ chế chính sách phát triển nông nghiệp còn yếu và thiếu. Những vấn đề đó đang đặt ra yêu cầu bức thiết cho ngành nông nghiệp Việt Nam cần phải được giải quyết.

1. Những thách thức và khó khăn đối với phát triển nông sản hàng hoá ở nước ta

Việc chuyển đổi từ nền kinh tế tự cung, tự cấp sang nền sản xuất hàng hoá theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước là tất yếu khách quan. Song, trong xu thế hội nhập nền kinh tế thế giới, Việt Nam là một quốc gia có nền kinh tế chủ yếu là nông nghiệp, khoa học - công nghệ nghèo nàn và lạc hậu. Do vậy, phát triển nông sản hàng hoá ở nước ta trong thời gian tới phải đối mặt với những thách thức và khó khăn rất lớn:

Thứ nhất: Nền kinh tế thế giới phát triển kinh tế trong xu thế toàn cầu hoá và cạnh tranh quốc tế ngày càng gay gắt.

Toàn cầu hoá và khu vực hoá nông nghiệp là xu thế khách quan ngày càng tác động mạnh, thậm chí chi phối sự phát triển kinh tế của các nước. Xu thế này được thể hiện rõ thông qua việc tự do hoá các thị trường nông sản quốc tế và tự do hoá đầu tư quốc tế. Có thể khái quát những hệ quả của toàn cầu hoá nông nghiệp đối với phát triển nông sản hàng hoá như sau:

- Toàn cầu hoá thu hẹp và ràng buộc vai trò, phạm vi và hiệu lực của Nhà nước

⁽¹⁾ Th.S., Khoa Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.

trong sự nghiệp phát triển nông nghiệp. Các chính sách nội địa có liên quan đến phát triển nông sản hàng hoá càng bị quyết định bởi các hiệp định quốc tế, cả ở cấp đa phương (WTO) và khu vực (AFTA) khiến cho vai trò của Nhà nước trong phát triển nông nghiệp phải trải qua những biến đổi sâu sắc.

- Toàn cầu hoá nông nghiệp khiến các ngành, nghề nông nghiệp và phi nông nghiệp ở nông thôn của mọi nước phải chấp nhận những sự cạnh tranh toàn cầu ngày càng gay gắt, "cá lớn nuốt cá bé", tiềm ẩn đầy rủi ro, bất trắc. Sự gia tăng cạnh tranh khắc nghiệt đến mức "tàn phá" trên quy mô toàn cầu.

- Toàn cầu hoá nông nghiệp hiện nay, cùng những luật lệ ràng buộc của nó, tạo ra một môi trường quốc tế chưa thuận lợi và thiếu ưu đãi với việc phát triển kinh tế nông thôn của các nước đang phát triển và kém phát triển. Những nước này thiếu khả năng tiếp cận thị trường quốc tế, thiếu khả năng tiếp cận vốn và thiếu khả năng tiếp cận khoa học - công nghệ hiện đại.

Thứ hai: Nền kinh tế thế giới phát triển trong điều kiện bùng nổ của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ và thế giới bước vào thời kỳ nền kinh tế tri thức.

Việt Nam là một quốc gia có nền kinh tế chủ yếu là nông nghiệp, nằm trong nhóm các nước đang phát triển và nghèo sẽ gặp phải những khó khăn và thách thức lớn về những biến đổi của khoa học - công nghệ trên thế giới. Có thể nhận thấy những bất lợi và khó khăn hơn là đón nhận thuận lợi, vận may như sau:

- Khoa học - công nghệ mới tạo ra các vật liệu và sản phẩm thay thế các sản phẩm của công nghệ cổ truyền với sự chênh lệch lớn về giá thành sản phẩm và giá cả tiêu thụ, có lợi nhiều đối với những sản phẩm của công nghệ mới tạo ra. Điều đó làm cho các nước chậm phát triển bán các sản phẩm thô, hoặc mới ở dạng sơ chế sẽ bị thua thiệt và bất lợi trong cạnh tranh trên thị trường quốc tế, những nước chậm phát triển có ưu thế về tài nguyên sẽ mất dần lợi thế của mình.

- Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - công nghệ mới (công nghệ sinh học, công nghệ thông tin...) ở các nước phát triển sẽ làm cho các nước chậm phát triển ngày càng phụ thuộc vào họ.

- Các nước phát triển có sức hút mạnh mẽ các nhân tài của các nước chậm phát triển. Phần lớn các nước chậm phát triển rất khó khăn trong việc phát triển khoa học - công nghệ. Bởi vì, một mặt họ phải để tâm và lo lắng quá nhiều vào giải quyết các nhu cầu tối thiểu về ăn, mặc ở cho dân chúng. Mặt khác ở các nước này phổ biến là thiếu vốn và chuyên gia có trình độ cao, do đó càng ít đầu tư vào phát triển khoa học - công nghệ. Vì vậy cơ hội vươn lên càng khó khăn.

- Sự phát triển nhanh chóng của khoa học - công nghệ làm cho giá trị sáng tạo ra trên mỗi đơn vị lao động tăng lên nhanh, yêu cầu về lao động không chỉ về sức khoẻ, sự nhiệt tình mà đòi hỏi có trình độ kỹ năng nhất định. Muốn vậy lao động phải được đào tạo và trang bị những kiến thức cần thiết.

- Trong mối quan hệ về chuyển giao khoa học - công nghệ với các nước phát triển, những nước thuộc thế giới thứ ba thường nhận được các loại công nghệ cũ, tiêu hao nhiều năng lượng, gây ô nhiễm môi trường, gây tác hại đến môi trường sống ở các nước này.

Xem xét về những xu thế trên đây vào nền nông nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hội nhập với kinh tế thế giới, trước hết với các nước trong khu vực và các tổ chức kinh tế (ASEAN, WTO) rõ ràng là nông nghiệp Việt Nam lại càng phải đối mặt với những thách thức lớn lao và nguy cơ tụt hậu càng lớn. Vì nền tảng phát triển nông sản hàng hoá đang ở trình độ rất thấp (công nghệ sản xuất lạc hậu, cơ sở hạ tầng kém, thị trường còn sơ khai, đất đai ít, người đông, dân trí và kỹ thuật lao động còn thấp, thiếu vốn...)

Thứ ba: Lao động nông nghiệp dư thừa nhiều, sức ép việc làm ở nông nghiệp, nông thôn lớn.

Vấn đề áp lực về giải quyết việc làm và lao động ở nông nghiệp, nông thôn rất lớn. Số lượng lao động ở nông nghiệp, nông thôn tăng lên với tốc độ cao nhưng chất lượng lao động còn thấp. Đào tạo, đào tạo lại và các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư cũng chưa làm được nhiều, do đó lao động và năng suất lao động ở nông thôn không cao.

Trong thời gian qua cùng với quá trình đổi mới và phát triển của đất nước, vấn đề lao động, việc làm trong nông nghiệp, nông thôn đã có những chuyển biến tích cực, nhưng vẫn đang là vấn đề bức xúc của xã

hội. Dân số trong nông nghiệp tăng nhanh, dẫn đến dư thừa lao động. Với gần 44 triệu lao động, lực lượng lao động ở nông thôn có khoảng 32,5 triệu người, chiếm hơn 74% trong khi đó mới sử dụng hơn 70% quỹ thời gian. Áp lực tạo việc làm ở nông thôn rất gay gắt. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến phát triển nông sản hàng hoá.

Thứ tư: Thị trường tiêu thụ nông sản trong và ngoài nước gặp nhiều khó khăn, bế tắc.

Trong một thời gian dài trước đây, thị trường tiêu thụ nông sản chủ yếu là trong nước, còn phần xuất khẩu lại thông qua hệ thống trung gian khá phức tạp, làm cho người sản xuất không nắm bắt được nhu cầu thị trường, bị ép giá, gây ra tâm lý không an tâm sản xuất. Trong những năm qua, việc đẩy mạnh xuất khẩu nói chung và xuất khẩu nông sản nói riêng lại chủ yếu dựa vào những khả năng hiện có là chính, tức là đẩy mạnh sản xuất và sử dụng phương thức chuyển dân từ thị trường nội địa ra thị trường khu vực và quốc tế. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp chúng ta chưa tổ chức nghiên cứu kỹ thị trường, do đó mấy năm gần đây đã xảy ra ngày càng nhiều tình trạng khi sản xuất tăng lên thì nảy sinh tình trạng "thừa" do sản phẩm làm ra chưa đáp ứng tốt nhu cầu thị trường, cả về giá cả, cũng như những tiêu chuẩn (vệ sinh, kiểm dịch...). Thêm vào đó, hiện nay nhiều trại chăn nuôi được xây dựng nhỏ lẻ, không đạt tiêu chuẩn sau đó được thu gom vào chế biến thực phẩm nên đã làm giảm lòng tin của người tiêu dùng.

Mặc dù, Nhà nước đã có nhiều biện pháp tháo gỡ khó khăn cho thị trường nông

sản, đặc biệt là gạo nhưng thị trường tiêu thụ vẫn không ổn định và bị động đối với hộ nông dân. Thị trường "đầu ra" của sản xuất nông nghiệp thường hướng vào người tiêu dùng trong nước. Thị trường xuất khẩu và chế biến còn nhiều hạn chế.

Thứ năm: Diện tích đất đai canh tác của hộ nông dân còn thấp, bị phân chia phân tán, manh mún không phù hợp với nông nghiệp sản xuất hàng hoá lớn.

Hiện nay đất đai đang là một thách thức lớn đối với hộ nông dân ở nước ta trên con đường phát triển nông nghiệp hàng hoá. Điều kiện đất đai canh tác có quy mô phân tán, manh mún. Theo số liệu điều tra của Tổng Cục thống kê năm 1994, quỹ đất nông nghiệp bình quân hộ nông dân cả nước đến nay chỉ còn 4984 m², giảm hơn so với năm 1989 là 1000 m². Quy mô đất nông nghiệp bình quân cho các hộ nông nghiệp ở mỗi vùng có khác nhau. Đất nông nghiệp của cả nước bình quân cho một nhân khẩu nông nghiệp chỉ còn 1034 m², cho một lao động nông nghiệp chỉ còn 1983 m². Các vùng có mức bình quân thấp nhất với 2 chỉ tiêu trên là Đồng bằng sông Hồng: 556 m² và 1048 m²; Khu Bốn cũ: 631 m² và 1294 m².

Tình hình trên cho thấy, nước ta là một nước có bình quân diện tích đất nông nghiệp vào loại thấp nhất so với các nước trên thế giới và khu vực (chỉ bằng 1/5 mức diện tích đất nông nghiệp bình quân đầu người của thế giới).

Trong khi khả năng tích tụ, tập trung đất đai để có quy mô sản xuất lớn hơn còn chưa nhiều thì mức bình quân đất đai ở

nước ta hiện nay lại tiếp tục giảm do áp lực dân số tăng cộng với quá trình thực hiện CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn. Vì vậy, trong những năm tiếp theo đang đặt cho nông nghiệp Việt Nam những thách thức lớn, đi liền với CNH, HĐH là sự "hy sinh" diện tích đất canh tác nông nghiệp, những loại đất này thường tập trung ở vùng đồng bằng và ven đô thị trở thành đối tượng có nguy cơ mất diện tích canh tác lớn nhất. Đây là vấn đề có tầm chiến lược lâu dài trong an toàn lương thực của quốc gia cần có quy hoạch và sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm nhất và có hiệu quả.

Mặt khác, số đất đai bình quân một hộ đã ít lại phân tán, do trong quá trình giao khoán đất đai phải thực hiện theo nguyên tắc có tốt, có xấu, có gần, có xa, có ruộng, có vườn nên tính chất manh mún trong trồng trọt càng lớn. Vì thế, sản xuất phân tán và manh mún đã mâu thuẫn với yêu cầu tích tụ, tập trung đất đai theo các vùng chuyên canh sản xuất hàng hoá lớn, cản trở việc chuyển nhanh sản xuất tự cung, tự cấp sang sản xuất hàng hoá.

2. Những giải pháp cơ bản nhằm đẩy mạnh phát triển nông sản hàng hoá ở nước ta hiện nay

Thứ nhất: Hoàn thiện công tác quy hoạch, kế hoạch phát triển nông nghiệp hàng hoá:

- Cần phải tiếp tục, điều tra, phân tích, đánh giá toàn bộ tiềm năng về tài nguyên đất đai, nguồn nhân lực, tiền vốn, khoa học - công nghệ trong nông nghiệp. Trên cơ sở đó có quy hoạch tổng thể và cụ thể các vùng sản xuất tập trung chuyên canh cao,

quy mô lớn, đủ sức cạnh tranh được trên thị trường trong và ngoài nước, đảm bảo sự đồng bộ giữa các yếu tố vật chất như vốn đầu tư, công nghệ, lao động, thị trường (đầu vào và đầu ra) và xác định chiến lược phát triển nông sản hàng hoá phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội trong nước. Trong những năm trước mắt, sớm quy hoạch và định hướng phát triển (cả trung hạn và dài hạn) cho các vùng nông nghiệp trọng điểm, có điều kiện sản xuất hàng hoá tập trung quy mô lớn và các loại cây trồng vật nuôi tạo ra sản phẩm hàng hoá chủ lực có giá trị kinh tế cao, có lợi thế xuất khẩu và phù hợp với điều kiện cụ thể của từng vùng, từng địa phương.

Thứ hai: Nhà nước cần tăng cường hiệu quả các chính sách kích thích sản xuất nông sản hàng hoá phát triển.

** Đối với chính sách đất đai:*

- Cần tiếp tục nghiên cứu tổng kết những nội dung trong luật đất đai để có cơ sở khoa học vững chắc cho việc hoàn thiện luật đất đai. Trong đó cần làm sáng tỏ về vấn đề sở hữu đất đai nông nghiệp trong nền sản xuất hàng hoá. Đất đai phải được tiền tệ hoá đưa vào sản xuất kinh doanh như các tư liệu sản xuất khác thì hiệu quả sử dụng đất đai mới tăng lên gấp bội và thúc đẩy nông sản hàng hoá phát triển.

- Nhà nước cần có chế tài nhằm tác động trực tiếp đến lợi ích của các chủ thể kinh tế để khuyến khích các hộ nông dân "dồn điền, đổi thửa".

** Đối với chính sách khoa học - công nghệ:*

- Áp dụng tiến bộ khoa học - công nghệ nhằm làm tốt công tác thuỷ lợi: đây là nội

dung quan trọng nhất, cơ bản nhất, quyết định đến phát triển nông nghiệp. Làm tốt công tác thuỷ lợi nông nghiệp mới có điều kiện để thâm canh, tăng vụ và khai thác các vùng đất mới. Trước hết, ưu tiên đầu tư nâng cấp và tăng cường công tác quản lý để nâng cao hiệu quả khai thác các công trình đã có; tập trung vốn hoàn thành các công trình xây dựng dở dang để sớm đưa vào sử dụng; đầu tư đổi mới với những công trình thật sự cấp bách và có hiệu quả cao. Chú trọng đầu tư phát triển các công trình thuỷ lợi nhỏ gắn với thuỷ điện ở miền núi, củng cố và phát triển hệ thống đê sông, đê biển và các công trình phòng chống lụt, bão để giảm nhẹ thiệt hại. Có chính sách khuyến khích nhân dân tham gia đầu tư quản lý, khai thác các công trình thuỷ lợi.

- Đầu tư đúng mức cho việc phát triển khoa học - công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn, nhất là áp dụng thành tựu của sinh học hiện đại. Ưu tiên đầu tư cho nghiên cứu và áp dụng giống mới, nhất là giống các loại cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao; tạo ra khâu đột phá về năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường khu vực và thế giới.

- Nhà nước tạo điều kiện và khuyến khích phát triển công nghệ chế biến, bảo quản để giảm tổn thất sau thu hoạch, nâng cao chất lượng sản phẩm; hỗ trợ và tạo điều kiện để đẩy mạnh việc nghiên cứu, sản xuất các loại máy móc, thiết bị, công cụ phục vụ sản xuất chế biến nông, lâm, thuỷ sản.

** Đối với chính sách phát triển nguồn nhân lực:*

Đây là giải pháp bao hàm cả việc giảm tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ em, gia tăng cơ cấu khẩu phần ăn để có sức khoẻ tốt... Song, quan trọng số một trong nội dung này là nâng cao năng lực và nghiệp vụ chuyên môn, quản lý kinh tế... cho đội ngũ những người lao động. Trên thực tế, sự yếu kém của nguồn nhân lực đã và đang kìm hãm phát triển kinh tế xã hội nói chung và phát triển nông sản hàng hoá nói riêng. Do vậy, để phát triển nguồn nhân lực cần tập trung vào định hướng như sau:

- Đào tạo cán bộ nghiên cứu kinh tế, kỹ thuật đáp ứng cho 3 cấp: tỉnh, huyện, xã trong vùng, nhất là cho các xã.

- Đào tạo đội ngũ giáo viên dạy nghề đủ duy trì và phát triển dạy nghề cho lực lượng lao động tại chỗ.

- Tổ chức đào tạo các chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ, các chủ kinh tế trang trại và kinh tế hộ. Chuẩn bị tốt lực lượng cán bộ khoa học - kỹ thuật, quản lý, có đủ trình độ năng lực phẩm chất để sẵn sàng tham gia vào đối tác trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài.

- Đào tạo và chuẩn hoá đội ngũ giáo viên phổ thông vừa có trình độ vừa có tâm huyết với nghề nghiệp, từng bước nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, chuẩn bị tốt cho sự nghiệp tạo nguồn nhân lực.

- Đào tạo viên chức Nhà nước, nâng cao trình độ quản lý các cấp, các ngành, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội ở mỗi vùng, mỗi địa phương.

- Chú ý nâng cao mặt bằng dân trí của nhân dân, trước hết là trình độ văn hoá, hiểu biết về các chủ trương, chính sách, pháp luật... của Đảng và Nhà nước.

- Chuyển giao kỹ thuật thâm canh, tăng năng suất cây trồng, vật nuôi cho lao động khu vực nông - lâm - ngư nghiệp bằng các hình thức thích hợp và đa dạng.

Ngoài ra, Nhà nước cần quan tâm tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ miễn phí cho cán bộ hợp tác xã (HTX) đương chức, giảm một phần kinh phí đối với việc đào tạo cán bộ HTX. Cần cho xây dựng quỹ bảo hiểm riêng đối với đội ngũ cán bộ tham gia kinh tế HTX, để họ có thể tham gia mua bảo hiểm và được hưởng chế độ lâu dài như cán bộ nhà nước, cán bộ doanh nghiệp. Cán bộ HTX cũng được tham gia mua BHYT và chữa bệnh như cán bộ Nhà nước. Mở rộng tổ chức khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư để thu hút đội ngũ cán bộ kỹ thuật tham gia. Có chính sách đãi ngộ cụ thể, ký hợp đồng dài hạn với các nhà khoa học làm việc ở các cơ quan nghiên cứu, địa phương và cơ sở sản xuất nông nghiệp vùng sâu, vùng xa.

** Đối với chính sách huy động và sử dụng vốn.*

- Phải có chính sách hấp dẫn hơn nữa để thu hút nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế, đặc biệt là nguồn vốn đầu tư nước ngoài vào việc phát triển cơ sở hạ tầng, cơ sở sản xuất và dịch vụ nông nghiệp, tạo điều kiện phát triển nông sản hàng hoá, trên cơ sở bảo đảm hiệu quả và lợi ích kinh tế của đôi bên.

- Đối tượng đầu tư được xác định là các đơn vị sản xuất cơ bản trong nông nghiệp bao gồm: kinh tế Nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và hộ sản xuất cá thể. Mọi tổ chức và cá nhân thuộc các đơn vị sản xuất được quyền bình đẳng trong tiếp nhận vốn đầu tư của Nhà nước và các tổ chức quốc tế.

- Nhà nước cần đa dạng hoá phương thức đầu tư, cụ thể là:

+ Đầu tư trực tiếp bằng ngân sách Nhà nước để khuyến khích phát triển những sản phẩm nông nghiệp có ý nghĩa sống còn đối với quốc gia và mang lại hiệu quả kinh tế cao như: Lúa gạo, những loại thực phẩm có giá trị kinh tế cao. Vốn đầu tư sẽ được sử dụng để chuyển giao công nghệ mới, áp dụng kỹ thuật tiên tiến hoặc giống mới có năng suất và chất lượng cao phục vụ sản xuất nông nghiệp. Đối tượng đầu tư theo nội dung này là hệ thống trạm trại nghiên cứu thực nghiệm và triển khai như: giống, thủy nông, bảo vệ thực vật, cải tạo đất...

+ Đầu tư gián tiếp thông qua tín dụng phát triển nông thôn với lãi suất ưu đãi. Nhà nước dành một phần vốn ngân sách, một phần vốn đi vay để cho các đối tượng sản xuất kinh doanh nông nghiệp vay với mục tiêu hỗ trợ vốn cho hộ sản xuất. Nhà nước nên ưu tiên, khuyến khích đầu tư vốn thông qua các dự án.

+ Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ cho hoạt động sản xuất - kinh doanh như: thủy lợi, giao thông, điện, thông tin liên lạc, trung tâm triển lãm và hội chợ thương mại, trung tâm giao dịch hàng hoá, trung tâm thông tin, trung tâm

kiểm tra chất lượng hàng hoá, trung tâm thương mại, chợ, siêu thị, kho ngoại quan, mạng lưới cửa hàng, trung tâm mua gom nông sản, chế biến nông sản... theo phương thức Nhà nước đầu tư toàn bộ hoặc Nhà nước và nhân dân cùng làm để xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng nông thôn phục vụ sản xuất và tạo tiền đề để chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn. Cơ sở hạ tầng càng hoàn thiện thì quy mô và trình độ phát triển nông sản hàng hoá càng cao. Điều này đặc biệt có ý nghĩa đối với những vùng sản xuất hàng hoá lớn về lương thực, thực phẩm và nông sản xuất khẩu.

+ Đầu tư qua giá mua vật tư và bán nông sản của hộ sản xuất cũng là một phương thức được nhiều nước áp dụng. Hộ sản xuất nông nghiệp được mua vật tư, xăng dầu phục vụ sản xuất với giá ổn định và thấp, được bán nông sản hàng hoá với giá cao và ổn định. Nhà nước bù lỗ phần chênh lệch giữa giá thị trường với giá thu mua hoặc bán của Nhà nước cho hộ sản xuất.

Ngoài ra, Nhà nước dành nguồn lực thích đáng để mở mang ngành nghề, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho lực lượng đông đảo ở nông thôn, góp phần "kích cầu" khu vực này.

** Đối với chính sách thị trường tiêu thụ nông sản hàng hoá.*

- Cần đổi mới chính sách đầu tư nhằm đẩy mạnh hơn nữa sản xuất hàng hoá theo hướng nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm giá thành, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động. Từ đó tăng khả năng cạnh tranh nông sản hàng hoá ở thị trường trong và ngoài nước, nâng cao thu

nhập, tăng sức mua bằng tiền cho các tầng lớp dân cư trong nước. Đây là vấn đề có ý nghĩa quyết định đối với việc mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản hàng hoá trong và ngoài nước.

- Phải phát triển mạng lưới giao thông vận tải giữa các vùng, miền trong nước, nhằm mở rộng việc giao lưu hàng hoá giữa các vùng trong nước, giữa thành thị và nông thôn, giữa trong và ngoài nước; khắc phục tình trạng tranh mua, tranh bán, ép cấp, ép giá hoặc bỏ trống trận địa để cho tư thương chèn ép nông dân.

- Nhà nước cần phải thành lập các tổ chức nghiên cứu, dự báo thị trường. Tăng cường công tác thông tin kinh tế, nhất là thông tin về giá cả, quan hệ cung - cầu trên thị trường, để các chủ thể kinh tế, người sản xuất có căn cứ lựa chọn cây trồng, vật nuôi và quy mô sản xuất phù hợp.

- Nhà nước phải có chính sách bảo trợ hàng nông sản bằng nhiều cách khác nhau, như hỗ trợ về giá cả (cả giá đầu vào và giá cả đầu ra), hỗ trợ về vốn, ưu đãi về thuế cho các cơ sở chế biến nông sản, các cơ sở nghiên cứu để đưa tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất nông nghiệp.

Ngoài ra, Nhà nước cần phải trên cơ sở hỗ trợ các doanh nghiệp Nhà nước phát triển, kết hợp với khuyến khích các hộ nông dân thành lập các doanh nghiệp tư nhân thu mua nông sản, hình thành mạng lưới tiêu thụ lâu dài, nhằm tạo công ăn việc làm và mối quan hệ lâu bền giữa sản xuất và thương mại. Xây dựng các trung tâm thương mại ở cấp huyện và các trung tâm tiểu vùng, giúp các xã xây dựng mới

hoặc mở rộng chợ. Khuyến khích mạnh mẽ các doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp dân doanh làm chế biến hoặc tiêu thụ, mở rộng ký hợp đồng sản xuất và tiêu thụ với hộ nông dân hoặc HTX nông nghiệp.

Thứ ba: Tiếp tục đổi mới và hoàn thiện tổ chức quản lý Nhà nước.

- Sắp xếp lại tổ chức bộ máy quản lý kinh tế. Xuất phát từ tình trạng bộ máy quản lý kinh tế của chúng ta hiện nay, trên cơ sở quy định rõ chức năng, nhiệm vụ quản lý ở mỗi cấp, đặc biệt phân rõ chức năng quản lý Nhà nước về kinh tế với chức năng quản lý kinh doanh của cơ sở, việc sắp xếp lại bộ máy quản lý kinh tế phải thực hiện theo hướng: giảm đầu mối, các khâu trung gian, tinh giảm biên chế hành chính. Tiếp tục giảm bớt hoặc hợp nhất các cơ quan chức năng tổng hợp cho phù hợp với cơ chế quản lý kinh tế mới.

- Việc sắp xếp lại bộ máy quản lý kinh tế gắn liền với việc xây dựng, bố trí đội ngũ viên chức Nhà nước có phẩm chất chính trị, năng lực, tinh thần trách nhiệm cao và thành thạo nghiệp vụ, khắc phục bệnh quan liêu, cửa quyền, hách dịch, xa rời thực tế... trong bộ máy quản lý kinh tế, xây dựng tác phong đi sát cơ sở để thu nhập ý kiến và nguyện vọng của dân, đánh giá đúng thực trạng.

- Phải có chiến lược xây dựng đội ngũ công chức Nhà nước nói chung và đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế nông nghiệp nói riêng, đáp ứng được yêu cầu của quá trình phát triển nông sản hàng hoá. Phải có quy trình chặt chẽ, khoa học từ việc phát hiện, đào tạo, tuyển chọn, bố trí, sử dụng và đãi ngộ cán bộ phù hợp.

- Phải tiêu chuẩn hoá đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế Nhà nước. Căn cứ vào đó để làm cơ sở tuyển chọn, bố trí sử dụng và đãi ngộ. Phải sàng lọc, sắp xếp, đào tạo lại đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế từ thấp đến cao và cần triển khai thực hiện nhiều phương thức đào tạo thích hợp. Vừa đào tạo chính quy theo chương trình cơ bản, vừa tiến hành bồi dưỡng nâng cao trình độ theo từng loại cán bộ; vừa đào tạo, bồi dưỡng trong nước và nước ngoài. Quá trình đào tạo đòi hỏi phải gắn lý luận với thực tiễn, "học đi đôi với hành".

- Về tuyển dụng cán bộ quản lý kinh tế Nhà nước, cần thực hiện chế độ tuyển dụng qua thi cử. Người nào có đủ đức, tài, đáp ứng được yêu cầu của một cán bộ quản lý kinh tế thì được tuyển chọn, không phân biệt vị trí của họ trong xã hội. Trước khi bổ nhiệm chính thức cần có thời gian tập sự. Hết hạn tập sự cần có sự sát hạch, nếu chưa đạt tiêu chuẩn thì vẫn chưa được bổ nhiệm. Trong quá trình làm việc, cán bộ quản lý kinh tế được nâng ngạch cũng phải qua thi cử. Các quy định này đòi hỏi đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế phải luôn luôn nâng cao trình độ chuyên môn cũng như phẩm chất đạo đức của bản thân. Qua đó, nâng cao được tính hiệu quả và trong sạch được bộ máy quản lý kinh tế.

- Việc sắp xếp, bố trí cán bộ phải đảm bảo sự liên tục giữa các thế hệ, mạnh dạn

đề bạt cán bộ trẻ có năng lực, đạo đức, được đào tạo chính quy vào những vị trí quan trọng, đồng thời cần có chính sách đãi ngộ thoả đáng với những cán bộ quản lý kinh tế giỏi, những chuyên gia, cố vấn kinh tế đầu ngành, nhằm tạo ra một động lực thúc đẩy nhiệt tình, hăng say cống hiến cho đất nước.

- Nâng cao phẩm chất của đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế Nhà nước gắn liền với việc thực hiện có hiệu quả pháp lệnh chống tham nhũng. Kiên quyết loại bỏ những người không đủ phẩm chất đạo đức ra khỏi bộ máy quản lý kinh tế Nhà nước. Qua đó tạo ra những cán bộ quản lý "vừa hồng vừa chuyên", nâng cao được hiệu lực của bộ máy quản lý kinh tế Nhà nước.

Tóm lại: Trên đây là những giải pháp cơ bản nhằm đẩy mạnh phát triển nông sản hàng hoá, những giải pháp trình bày chỉ đề cập chủ yếu ở tầm vĩ mô, về một số vấn đề chung để khắc phục những bất cập phát sinh và khó khăn hiện nay trong nông nghiệp, nông thôn. Để đảm bảo tính khả thi của các giải pháp, vấn đề quan trọng hàng đầu là tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp từ Trung ương đến địa phương, cùng với sự năng động, sáng tạo của các chủ thể kinh tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh nông nghiệp.

PRODUCING VIETNAMESE AGRICUTURAL PRODUCTS IN NEW CONDITION: PROBLEMS AND SOLUTIONS

MA. Nguyen Manh Tuan

Faculty of Economics, Vietnam National University, Hanoi

Our coutry's agricultute made gigantic progress due to implemeting renovation policy for last many years. From the county, which was lack of food, at present we can not only supply enough food for consumption but also became the second largest rise export country in the world. People income and living standard have improved continuously. However, dispite of great achievement in the period of renovation, Vietnam agriculture and rural areas are facing many difficulties in the style of self - supply is still popular, development of goods production is not equal. Changing the economic structure of agricultural products in domestic and foreingn markets is low level in compare to many countries of the region and the world; Economic structure of argriculture of argriculture and rural areas are weak. Organization work, management and policy's mechanism of argriculture development are still weak. Those problems given pressing tasks for Vietnam argriculture to be solved.